

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Ban hành Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi**  
**trên đất trồng lúa năm 2025**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Trồng trọt ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa;

Căn cứ Quyết định số 2260/QĐ-UBND ngày 13 tháng 11 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành danh mục cây trồng lâu năm được chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh năm 2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn tại Văn bản số 1979/SNN-TT&BVTN ngày 27 tháng 11 năm 2024.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa năm 2025; chi tiết tại Phụ lục kèm theo.

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, cơ sở pháp lý, nội dung trình ban hành Kế hoạch. Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thành, thị tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch có hiệu quả, đảm bảo các mục tiêu; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa theo đúng kế hoạch được phê duyệt và đảm bảo các nguyên tắc, tiêu chí theo quy định pháp luật hiện hành;

- Tổng hợp kết quả chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo quy định.

2. Ủy ban nhân dân các huyện, thành, thị có trách nhiệm:

- Ban hành kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa năm 2025 trên địa bàn phù hợp với Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các nguyên tắc, tiêu chí theo quy định của Luật Trồng trọt và Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ; thời gian yêu cầu hoàn thành trước ngày 15 tháng 12 năm 2024;

- Chỉ đạo, đôn đốc Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng, ban hành kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả, đảm bảo đúng đối tượng, mục tiêu và tuân thủ quy định hiện hành. Giao nhiệm vụ cho các phòng chuyên môn trực thuộc hướng dẫn, kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa; kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các trường hợp chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi không đúng quy định;

- Tổng hợp kết quả thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa năm 2024 trên địa bàn, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) trước ngày 15 tháng 12 năm 2025.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường; Chủ tịch Ủy ban nhân dân Ủy ban nhân dân các huyện, thành, thị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thanh Hải**

**Phụ lục: Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa năm 2025**  
(Kèm theo Quyết định số: 2384/QĐ-UBND, ngày 29 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ)

STT	Huyện, thành, thị	Tổng diện tích	Diện tích đất lúa được chuyển đổi (ha)					Diện tích cây trồng chuyển đổi từ đất lúa	
			Đất chuyên trồng lúa		Đất lúa 01 vụ			Chuyển sang cây trồng hàng năm	Chuyển sang cây trồng lâu năm
			Cây hàng năm	Trồng lúa kết hợp NTTS	Cây hàng năm	Cây lâu năm	Trồng lúa kết hợp NTTS		
1	TP. Việt Trì	71,5				12,5	59		Bưởi 2 ha, ôi 8 ha, táo 2,5 ha
2	Hạ Hòa	135,84	65,71	3,56	29,83	4,77	31,97	Chuối 1,81 ha, Rau 39,82 ha, ngô 37,94 ha, cây hàng năm khác 15,96 ha	Bưởi 4,1 ha, ôi 0,67 ha.
3	Thanh Ba	24,57	8,05	3,01	4,9	7,31	1,3	Ngô 7,64 ha, rau 4,71 ha, TĂCN 0,6 ha	Bưởi 0,85 ha, Ôi 6,055 ha, táo 0,4 ha
4	Phù Ninh	1,14		1,14					
5	Lâm Thao	431,4	51,8		2,1	1,3	376,2	Ngô 5 ha, rau 25 ha, TĂCN 20 ha, chuối 3,9 ha	Ôi 1,3 ha
<b>Tổng số</b>		<b>664,45</b>	<b>125,56</b>	<b>7,71</b>	<b>36,83</b>	<b>25,88</b>	<b>468,47</b>	Chuối 5,71 ha, rau 69,53 ha, ngô 50,58 ha, TĂCN 20,6 ha	Bưởi 6,95 ha, ôi 16,025 ha, táo 2,9 ha

